



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện
Miền Bắc**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0800383471

ngày 17 tháng 7 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh 9 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0800383471 ngày 5 tháng 1 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tính	Ủy viên
Ông Phùng Văn Sinh	Ủy viên
Ông Trần Hữu Nam	Ủy viên
Ông Lê Thế Sơn	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Tính	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Ninh	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 27 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Tính
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 14 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 27.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 7 tháng 3 năm 2016.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-176



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2017

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2014-007-1

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		142.278.642.272	115.859.319.313
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	7.678.386.282	9.618.770.639
Tiền	111		7.678.386.282	7.605.192.120
Các khoản tương đương tiền	112		-	2.013.578.519
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		127.195.257.722	102.186.399.743
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	127.365.869.027	102.303.448.249
Phải thu ngắn hạn khác	136		95.639.250	149.202.049
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(266.250.555)	(266.250.555)
Hàng tồn kho	140	8	4.501.334.439	2.462.429.962
Hàng tồn kho	141		4.501.334.439	2.462.429.962
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.903.663.829	1.591.718.969
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10(a)	1.561.917.628	762.884.505
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12(a)	1.341.746.201	828.834.464
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		38.034.129.239	41.433.771.835
Tài sản cố định	220		35.740.771.441	39.453.812.458
Tài sản cố định hữu hình	221	9	35.740.771.441	39.453.812.458
Nguyên giá	222		85.409.419.899	80.125.932.035
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.668.648.458)	(40.672.119.577)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		49.022.644	49.022.644
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(49.022.644)	(49.022.644)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.293.080.591	2.293.080.591
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.293.080.591)	(1.293.080.591)
Tài sản dài hạn khác	260		1.293.357.798	979.959.377
Chi phí trả trước dài hạn	261	10(b)	1.293.357.798	979.959.377
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		180.312.771.511	157.293.091.148

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		31/12/2016	1/1/2016
	Số	VND	VND
NGUỒN VỐN			
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300	103.743.496.295	78.948.601.291
Nợ ngắn hạn	310	103.743.496.295	78.948.601.291
Phải trả người bán ngắn hạn	311	28.726.142.046	25.243.303.038
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	827.432.000	77.600.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12.136.747.733	10.499.870.138
Phải trả người lao động	314	27.791.363.341	36.045.697.024
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	10.935.931.631	393.835.747
Phải trả ngắn hạn khác	319	2.941.345.425	2.396.997.560
Vay ngắn hạn	320	17.600.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	2.784.534.119	4.291.297.784
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	76.569.275.216	78.344.489.857
Vốn chủ sở hữu	410	76.569.275.216	78.344.489.857
Vốn cổ phần	411	50.000.000.000	50.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	13.692.411.000	11.904.411.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	12.876.864.216	16.440.078.857
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	1.314.333.857	6.199.392.827
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	11.562.530.359	10.240.686.030
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	180.312.771.511	157.293.091.148

Ngày 14 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Phạm Thúy Hải
 Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Văn Tính
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		14.646.248.637	13.279.572.239
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		8.996.528.881	8.268.960.483
Các khoản dự phòng	03		-	(107.564.199)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(452.126.100)	(648.018.648)
Chi phí lãi vay	06		93.772.221	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		23.284.423.639	20.792.949.875
Biến động các khoản phải thu	09		(25.521.769.716)	(5.704.428.210)
Biến động hàng tồn kho	10		(2.038.904.477)	(2.051.606.068)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		8.427.956.901	(806.834.668)
Biến động chi phí trả trước	12		(1.112.431.544)	(207.349.921)
			3.039.274.803	12.022.731.008
Tiền lãi vay đã trả	14		(67.844.444)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.835.944.287)	(5.211.415.793)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.240.766.916
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.344.508.665)	(7.588.441.713)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.209.022.593)	463.640.418
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.283.487.864)	(14.469.754.091)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		-	49.636.360
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		452.126.100	648.018.648
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.831.361.764)	(13.772.099.083)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		19.850.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.250.000.000)	-
Tiền trả cổ tức	36		(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.100.000.000	(7.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(1.940.384.357)	(20.808.458.665)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4	9.618.770.639	30.427.229.304
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	7.678.386.282	9.618.770.639

Ngày 14 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Phạm Thúy Hải
 Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Văn Tính
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị nhà máy điện và các thiết bị công nghiệp khác tương đương, sản xuất phụ gia bê tông từ tro bay, cung ứng nhân lực và các dịch vụ đào tạo, vận hành, đầu tư các công trình điện và công nghiệp, xây lắp sửa chữa kỹ thuật công trình giao thông, thi công công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng, kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 869 nhân viên (1/1/2016: 804 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 – 19 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 10 năm
▪ phương tiện vận tải	2 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 9 năm
▪ tài sản khác	4 năm

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(m) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(n) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các cổ đông, công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	7.284.374	6.583.700
Tiền gửi ngân hàng	7.671.101.908	7.598.608.420
Các khoản tương đương tiền	-	2.013.578.519
	<hr/>	<hr/>
	7.678.386.282	9.618.770.639

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

5. Các khoản đầu tư tài chính

	1/1/2016 và 31/12/2016				
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:					
• Công ty Cổ phần Phụ gia Bê tông Phả Lại	10%	100.000	1.000.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thủy điện Hùng Lợi	4,3%		1.293.080.591	(1.293.080.591)	(*)
			<u>2.293.080.591</u>	<u>(1.293.080.591)</u>	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và các bên liên quan**

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại – công ty mẹ	62.950.779.893	26.374.116.892
Công ty Nhiệt điện Uông Bí – Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	4.969.466.324	15.666.213.084
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	2.264.975.922	12.532.916.110
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	47.681.294.048	43.599.380.217
Các bên thứ ba		
Các khách hàng khác	9.499.352.840	4.130.821.946
	127.365.869.027	102.303.448.249

Khoản phải thu từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và thu được khi có yêu cầu.

7. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	1/1/2016 và 31/12/2016		Giá trị có thể thu hồi VND
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Nợ quá hạn				
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long				
- Tổng Công ty Sông Đà	Trên 3 năm	266.250.555	(266.250.555)	-

8. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	2.476.124.278	-	684.568.187	-
Công cụ và dụng cụ	2.025.210.161	-	1.777.861.775	-
	4.501.334.439	-	2.462.429.962	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	10.784.790.978	56.968.134.985	10.068.376.608	2.222.856.964	81.772.500	80.125.932.035
Tăng trong năm	-	271.200.000	2.238.386.728	583.000.000	-	3.092.586.728
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.190.901.136	-	-	-	-	2.190.901.136
Số dư cuối năm	12.975.692.114	57.239.334.985	12.306.763.336	2.805.856.964	81.772.500	85.409.419.899
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.782.975.498	27.943.022.470	6.369.791.260	1.568.526.789	7.803.560	40.672.119.577
Khấu hao trong năm	1.445.538.215	6.379.058.604	784.604.019	366.884.915	20.443.128	8.996.528.881
Số dư cuối năm	6.228.513.713	34.322.081.074	7.154.395.279	1.935.411.704	28.246.688	49.668.648.458
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	6.001.815.480	29.025.112.515	3.698.585.348	654.330.175	73.968.940	39.453.812.458
Số dư cuối năm	6.747.178.401	22.917.253.911	5.152.368.057	870.445.260	53.525.812	35.740.771.441

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 24.743 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 20.080 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

10. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trả trước phí bảo hiểm	29.919.737	21.188.603
Công cụ dụng cụ	1.531.997.891	741.695.902
	<hr/>	<hr/>
	1.561.917.628	762.884.505
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm	979.959.377
Tăng trong năm	1.414.865.045
Phân bổ trong năm	(1.101.466.624)
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.293.357.798
	<hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Phải trả người bán ngắn hạn****Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn và các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Các bên liên quan		
Công ty Nhiệt điện Uông Bí-		
Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	62.370.000	86.196.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	-	144.879.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	202.046.817	-
Các bên thứ ba		
Công ty Cổ phần SETIN	303.606.700	3.638.031.669
Công ty TNHH Song Anh ETC	6.238.498.485	-
Công ty Cổ phần LILAMA 69-1	6.014.726.381	4.484.752.598
Công ty TNHH Vật tư Sơn Hùng Phát	410.254.977	4.812.632.238
Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp GSI Việt Nam	1.843.682.422	3.411.930.290
Công ty TNHH Lắp máy Bình Minh	5.134.876.978	-
Các nhà cung cấp khác	8.516.079.286	8.664.881.243
	<hr/>	<hr/>
	28.726.142.046	25.243.303.038
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả cho các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và sẽ phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

12. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Thuế thu nhập cá nhân	1.168.252.092	828.834.464
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	173.494.109	-
	<u>1.341.746.201</u>	<u>828.834.464</u>

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã được khấu trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.646.466.501	22.846.142.965	(15.964.118.678)	(5.492.920.683)	10.035.570.105
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.853.403.637	3.083.718.278	(2.835.944.287)	-	2.101.177.628
Các loại thuế khác	-	33.686.506	(33.686.506)	-	-
	<u>10.499.870.138</u>	<u>25.963.547.749</u>	<u>(18.833.749.471)</u>	<u>(5.492.920.683)</u>	<u>12.136.747.733</u>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi phí thuê đại tu lò hơi số 2	10.778.712.692	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	157.218.939	393.835.747
	<hr/>	<hr/>
	10.935.931.631	393.835.747
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân khấu trừ thừa phải trả cho nhân viên	1.184.391.745	828.834.464
Quỹ hỗ trợ do các bộ, nhân viên đóng góp	389.729.401	532.679.201
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	778.324.859	539.969.021
Kinh phí công đoàn	554.373.754	433.798.799
Các khoản phải trả khác	34.525.666	61.716.075
	<hr/>	<hr/>
	2.941.345.425	2.396.997.560
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	-	-	19.850.000.000	(2.250.000.000)	17.600.000.000	17.600.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương	VND	6,5%	17.600.000.000	-

Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	4.291.297.784	2.870.071.497
Trích lập trong năm	5.837.745.000	7.609.668.000
Sử dụng trong năm	(7.344.508.665)	(6.188.441.713)
Số dư cuối năm	2.784.534.119	4.291.297.784

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015	50.000.000.000	8.452.147.000	24.761.324.827	83.213.471.827
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	10.240.686.030	10.240.686.030
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	3.452.264.000	(3.452.264.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(7.609.668.000)	(7.609.668.000)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2016	50.000.000.000	11.904.411.000	16.440.078.857	78.344.489.857
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	11.562.530.359	11.562.530.359
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	1.788.000.000	(1.788.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.837.745.000)	(5.837.745.000)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2016	50.000.000.000	13.692.411.000	12.876.864.216	76.569.275.216

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

	1/1/2016 và 31/12/2016	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

19. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 5 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 7,5 tỷ VND (2015: 7,5 tỷ VND).

20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	611.320.115	979.210.087
Trong vòng hai đến năm năm	2.445.280.460	3.916.840.348
Sau năm năm	22.234.865.811	36.329.110.556
	25.291.466.386	41.225.160.991

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản cam kết thuê hoạt động gồm các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thuê 62.428,3m² đất tại Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương với giá thuê 12.610 đồng/m²/năm (đơn giá theo quy định tại Phụ lục Hợp đồng số 1429/HĐTĐ ngày 30 tháng 5 năm 2014). Đơn giá thuê đất được điều chỉnh với giá thuê 6.717 đồng/m²/năm theo thông báo chính thức của Cục thuế Tỉnh Hải Dương ngày 28 tháng 9 năm 2016. Hợp đồng thuê đất có thời hạn 50 năm tính từ ngày 30 tháng 6 năm 2008, được ký với Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Hải Dương vào ngày 12 tháng 8 năm 2009; và
- Hợp đồng thuê 13.366 m² đất khu đồi cao tại Phường Phả lại, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương với giá thuê 14.364 đồng/m²/năm. Hợp đồng thuê đất có thời hạn 44 năm và hết hiệu lực vào ngày 11 tháng 9 năm 2056.

22. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi	332.126.100	515.400.593
Cổ tức được chia	120.000.000	150.000.000
	<hr/>	<hr/>
	452.126.100	665.400.593
	<hr/>	<hr/>

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.392.383.405	1.299.243.469
Chi phí nhân công	11.716.302.521	10.004.140.269
Chi phí khấu hao	1.415.165.486	1.227.404.428
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.094.920.147	1.081.543.509
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.176.474.119	3.904.734.886
	<hr/>	<hr/>
	20.795.245.678	17.517.066.561
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	22.750.849.647	24.974.920.859
Chi phí nhân công	124.956.036.387	126.049.632.599
Chi phí khấu hao	8.957.459.077	8.235.295.479
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.672.329.598	9.084.893.734
Chi phí khác	25.740.373.971	14.802.752.185

26. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	3.040.956.752	3.038.886.209
Dự phòng thiếu trong những năm trước	42.761.526	-
	3.083.718.278	3.038.886.209

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.646.248.637	13.279.572.239
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.929.249.727	2.921.505.893
Thu nhập không bị tính thuế	(24.000.000)	(33.000.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	135.707.025	150.380.316
Dự phòng thiếu trong những năm trước	42.761.526	-
	3.083.718.278	3.038.886.209

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất 20% từ năm 2016 (2015: 22%).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch cho	
	2016 VND	2015 VND
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	116.082.880.096	86.854.282.912
Mua hàng	4.233.308.015	3.508.776.448
Trả cổ tức	3.750.000.000	3.750.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.307.536.634	24.630.309.593
Mua hàng	253.278.000	212.798.182
Trả cổ tức	750.000.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	66.520.334.548	59.700.322.531
Mua hàng	410.752.751	-
Trả cổ tức	750.000.000	750.000.000
Công ty Nhiệt điện Uông Bí – Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.973.154.453	23.928.319.465
Mua hàng	147.378.000	78.360.000
Trả cổ tức	750.000.000	750.000.000
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.188.000.000	1.188.000.000
Thành viên Hội đồng quản trị		
Thù lao	374.400.000	374.400.000
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao	186.000.000	186.000.000

Ngày 14 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Phạm Thúy Hải
Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Văn Tính
Tổng Giám đốc